



CATALOGUE

SƠN GIAO THÔNG

TRAFFIC COATING SYSTEMS



GIỚI THIỆU ABOUT US & OUR PRODUCT

CÔNG TY TNHH SƠN THẾ HỆ MỚI là doanh nghiệp chuyên sản xuất và cung cấp sơn tàu - sà lan, sơn sàn, sơn kết cấu thép và các loại sơn ứng dụng trong ngành công nghiệp xây dựng và công nghiệp hóa chất.



Thành lập năm 2007, đến nay, **Sơn Thế Hệ Mới** tự hào là đơn vị cung cấp giải pháp sơn toàn diện cho đa lĩnh vực. Sở hữu Nhà máy hơn 40.000m², vận hành cùng “**Phòng thử nghiệm đạt chuẩn quốc tế Vilas 1124 do Bộ Công Thương chứng nhận**”, giúp chủ động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới một cách liên tục.

Với hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sơn công nghiệp, Chúng tôi đã nghiên cứu, phát triển và cung cấp đa dạng các giải pháp sơn bảo vệ và chống thấm cho hạ tầng giao thông. Sản phẩm được ứng dụng rộng rãi cho **kết cấu thép cầu đường, cầu đường sắt; sơn kẻ vạch phản quang, sơn kẻ vạch nhiệt dẻo; chống thấm mặt cầu, mặt đường, bồn hoa, vỉa hè, dải phân cách** và nhiều hạng mục hạ tầng giao thông khác. **Hệ Sơn Giao Thông Thế Hệ Mới** đã bảo vệ bề mặt công trình trước tác động của thời tiết và môi trường, góp phần tạo nên điểm nhấn thẩm mỹ cho các công trình.

Hệ Sơn Giao Thông Thế Hệ Mới đang được tin tưởng sử dụng bởi nhiều đối tác và dự án tiêu biểu như Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, Hệ thống cầu sắt thuộc tuyến Đường sắt Bắc - Nam... .

NEW GENERATION PAINT CO., LTD specializes in the manufacturing and supply of marine and barge coatings, floor coatings, structural steel coatings and various coatings used in the construction and chemical industries.

Established in 2007, New Generation Paint has grown to become a trusted provider of comprehensive coating solutions across multiple industries. The company operates a manufacturing facility of over 40,000m², along with a “VILAS 1124-certified laboratory accredited by the Ministry of Industry and Trade”, enabling continuous research and development of new products.

With over 18 years of industry experience, New Generation Paint provides traffic coating and waterproofing solutions for steel bridges, railway bridges, road markings, bridge decks, pavements and other transportation infrastructure. Our systems deliver long-lasting corrosion protection, weather resistance and enhanced durability.

Currently, Traffic Coating Systems is trusted by landmark projects, including Noi Bai International Airport, Tan Son Nhat International Airport, Vietnam North-South Railway...



HỆ SƠN GIAO THÔNG / TRAFFIC COATING SYSTEMS

HẠNG MỤC	ỨNG DỤNG	MÃ SƠN KHUYẾN NGHỊ	CHIỀU DÀY KHUYẾN NGHỊ (μm)	ĐỊNH MỨC LÝ THUYẾT	ƯU ĐIỂM
Kẻ vạch giao thông	Sơn vạch kẻ đường	PU1KxxxV	80 - 100	0.20 - 0.25 lít/m ²	- Nhanh khô - Dễ thi công
	Sơn kẻ vạch nhiệt dẻo	GT3xxx	2.000 - 5.000	4 - 10 kg/m ²	- Phù hợp với nhiều loại nền
Chống thấm cho mặt cầu, mặt đường	Chống thấm hai chiều	SealFlex Pro	Tùy bề mặt	0.2 - 0.3 kg/m ² (2 lớp)	- Nhanh khô - Chống thấm hoạt động tốt trên cả bề tông mới và bề tông cũ, mức thấp và mức cao
Bê tông công trình giao thông* (Lan can, thành cầu, dải phân cách...)	Chống thấm, Chống trượt (chuyên dụng)	SV100	1.000 - 3.000	2 - 6 kg/m ²	- Nhanh khô - Bám dính tốt, chống thấm hiệu quả nhiều bề mặt khác nhau
	Chống thấm (bề mặt bê tông đứng như cột, tường, vách)	CTX3xxx	Tùy bề mặt	0.40 - 0.60 kg/m ² (1 lớp)	- Cho hơi nước thoát qua, tránh ứng suất do áp lực hơi
	Chống thấm màu (trang trí)	STExxxCT	80 - 100	0.20 - 0.25 kg/m ²	- Tính cơ giãn tốt - Độ bền thời tiết tốt, có thể sử dụng ngoài trời
Kết cấu thép công trình giao thông	Phù hợp kết cấu thép thông thường: - Cầu vượt đô thị - Cầu đường sắt - Cầu thép - Cầu bộ hành - Biển báo giao thông - Lan can thép	HBE1xxx	110	0.15 lít/m ²	Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn Môi trường C3/C4 - Chi phí đầu tư thấp - Thi công nhanh, tiết kiệm vật tư - Đáp ứng yêu cầu chống gỉ cơ bản - Dễ bảo trì và sơn dặm khi cần
		PUZn3xxx	50	0.10 lít/m ²	
	Phù hợp cho cầu thép ngoài trời, khu vực ven sông, vùng có độ ẩm cao: - Cầu thép, kết cấu thép - Cầu đường sắt ven sông - Cầu thép khu vực có độ ẩm cao	HBE1xxx	70	0.10 lít/m ²	Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn Môi trường C4/C5 - Tăng độ bền vẫn đảm bảo chi phí hợp lý - Chống gỉ và chống hao mòn tốt hơn - Giảm tần suất bảo trì - Độ bền thời tiết tốt
		HBE1xxx-1	120	0.14 lít/m ²	
		PUZn3xxx	50	0.10 lít/m ²	
	Phù hợp công trình trọng điểm: - Cầu thép có lưu lượng xe lớn - Cầu đường sắt trọng điểm - Cầu thép yêu cầu tuổi thọ bảo vệ cao	HBE1xxx	100	0.13 lít/m ²	Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn Môi trường C4/C5 - Khả năng chống ăn mòn cao - Hạn chế tần suất bảo trì - Hiệu quả kinh tế trong dài hạn
		HBE1xxx	100	0.13 lít/m ²	
		PU3xxx	60	0.12 lít/m ²	
	Phù hợp môi trường ven biển: - Cầu thép ven biển - Cầu cảng - Công trình khu vực cửa sông, cửa biển - Kết cấu thép thường xuyên tiếp xúc hơi muối	ET1601	60	0.11 lít/m ²	Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn Môi trường C4/C5 - Lớp sơn lót epoxy giàu kẽm giúp chống ăn mòn vượt trội - Giảm tối đa chi phí bảo trì - Bảo vệ bền bỉ, ổn định trong môi trường ven biển - Bền màu, chống tia UV cực tốt - Tối ưu tổng chi phí vòng đời công trình
		EH1602	120	0.16 lít/m ²	
		EH2104	120	0.16 lít/m ²	
		PU3xxx	60	0.12 lít/m ²	
Hầm giao thông, tường chắn quan đô thị*	Sơn chống bám bẩn, chống vẽ, chống dính, chống rêu mốc	EW1000	60	0.13 lít/m ²	- Chống bám bẩn vượt trội, bề mặt dễ tẩy rửa
		EW3xxx	120 (2 lớp)	0.22 lít/m ² (2 lớp)	- Phù hợp môi trường hầm kín, thiếu ánh sáng và thông gió
		AGF1000	60	0.12 lít/m ²	- Không bắt cháy, chịu lực cao, độ bền cơ lý tốt - Hàm lượng VOC cực thấp (≤ 24 g/L)

(*) Ghi chú:

- "xxx": mã màu tùy chọn theo bảng màu của Sơn Thế Hệ Mới. VD: PU3691 - Màu nhũ bạc, HBE1602 - Màu xám.

- Các mã sơn mang tính chất tham khảo tại thời điểm phát hành. Tùy vào thị trường và nhu cầu cụ thể, có thể thay đổi bằng các mã sơn có đặc tính kỹ thuật và chất lượng tương đương.

- Các mã sơn cùng hạng mục có thể linh hoạt sử dụng kết hợp hoặc độc lập tùy nhu cầu.



HỆ SƠN GIAO THÔNG / TRAFFIC COATING SYSTEMS

APPLICATION AREA	APPLICATION	RECOMMENDED COATING CODE	RECOMMENDED DFT (μm)	THEORITICAL COVERAGE RATE	KEY FEATURE
Traffic marking	Road marking coating	PU1KxxxV	80 - 100	0.20 - 0.25 L/m ²	- Fast-drying - Easy to apply - Suitable for various substrates
	Thermoplastic road marking coating	GT3xxx	2.000 - 5.000	4 - 10 kg/m ²	
Bridge deck & pavement waterproofing	Two-Component waterproofing	SealFlex Pro	Depending on the substrate	0.2 - 0.3 kg/m ² (2 coats)	- Fast-drying - Excellent waterproofing performance on both new and existing concrete, including low- and high-strength concrete
Concrete traffic structure* (Guardrails, bridge parapets, median barriers,...)	Waterproof & Anti-Slip coating (Specialized)	SV100	1.000 - 3.000	2 - 6 kg/m ²	- Fast-drying - Excellent adhesion with effective waterproofing on various substrate - Water vapor permeable to minimize vapor pressure build-up - Excellent flexibility - Excellent weather resistance for outdoor use
	Waterproofing for vertical concrete surfaces	CTX3xxx	Depending on the substrate	0.40 - 0.60 kg/m ² (1 coat)	
	Decorative waterproofing coating	STExxxCT	80 - 100	0.20 - 0.25 kg/m ²	
Steel traffic structure	Suitable for general steel structures: - Urban bridge - Railway bridge - Steel bridge - Pedestrian bridge - Traffic sign - Steel guardrail	HBE1xxx	110	0.15 L/m ²	Complies with C3/C4 corrosivity category requirements - Low initial investment cost - Fast application with reduced material consumption - Meets basic corrosion protection requirements - Easy maintenance and touch-up
		PUZn3xxx	50	0.10 L/m ²	
	Suitable for outdoor steel bridges, riverside areas and high-humidity environments: - Steel bridge, steel structure - Railway bridge in riverside area - Steel bridge in high-humidity environment	HBE1xxx	70	0.10 L/m ²	Complies with C4/C5 corrosivity category requirements - Enhanced durability with cost-effective performance - Improved corrosion, abrasion resistance - Reduced maintenance frequency - Excellent durability in outdoor environments
		HBE1xxx-1	120	0.14 L/m ²	
		PUZn3xxx	50	0.10 lít/m ²	
	Suitable for critical infrastructure projects: - Steel bridge with heavy traffic load - Major railway bridge - Steel bridge requiring long-term corrosion protection	HBE1xxx	100	0.13 L/m ²	Complies with C4/C5 corrosivity category requirements - Superior corrosion protection - Reduced maintenance frequency - Long-term cost efficiency
		HBE1xxx	100	0.13 L/m ²	
		PU3xxx	60	0.12 L/m ²	
	Suitable for coastal environments: - Coastal steel bridge - Port and harbor structure - Estuary and coastal infrastructure - Steel structure exposed to salt-laden air	ET1601	60	0.11 L/m ²	Complies with C4/C5 corrosivity category requirements - Zinc-rich epoxy primer provides superior corrosion protection - Minimizes maintenance costs - Long-lasting protection in coastal environments - Excellent color retention and UV resistance - Optimized life-cycle cost
		EH1602	120	0.16 L/m ²	
		EH2104	120	0.16 L/m ²	
		PU3xxx	60	0.12 L/m ²	
Transportation tunnels, urban landscape walls*	Anti-dirt, Anti-graffiti, Anti-sticking, Anti-mold coating	EW1000	60	0.13 L/m ²	- Superior stain resistance, easy-to-clean surface - Suitable for enclosed tunnel environments with limited light, ventilation - Non-flammable, high load-bearing capacity, excellent mechanical durability - Ultra-low VOC content (≤ 24 g/L)
		EW3xxx	120 (2 lớp)	0.22 lít/m ² (2 lớp)	
		AGF1000	60	0.12 lít/m ²	

(*) Note:

- "xxx" indicates an optional color code from the New Generation Paint Color Chart. Ex: PU3691 - Silver Metallic, HBE1602 - Grey.
- Coating codes are for reference only and may be replaced with equivalent products of comparable quality and performance.
- Coating codes within the same application area may be used in combination or independently, depending on specific requirements.

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU / FEATURED PROJECTS



Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất

Tan Son Nhat International Airport

Sơn kẻ vạch đường băng - Năm 2023
Runway marking (CHC) - 2023



Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài

Noi Bai International Airport

Sơn kẻ vạch đường băng - Năm 2023
Runway marking (CHC) - 2023

CẦU PHỐ LU (CHUNG LƯ)

Pho Lu (Chung Lu) Bridge

Sơn kết cấu thép
Structural steel



CẦU HỒ

Ho Bridge

Sơn kết cấu thép
Structural steel



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU / FEATURED PROJECTS



CẦU VƯỢT BỘ HÀNH Ở THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Pedestrian overpasses, Hanoi

Sơn kết cấu
Structural steel



CẦU CỎ MAY

Co May bridge

Sơn kết cấu thép - Năm 2021
Structural steel - 2021

CẦU BẾN LỨC

Ben Luc bridge

Sơn kết cấu thép
Structural steel



CẦU TÂN AN

Tan An bridge

Sơn kết cấu thép (Gói thầu B3-63)
Năm 2020
Structural steel (Contract package B3-63)
2020



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU / FEATURED PROJECTS



CẦU MĂNG THÍT

Mang Thit bridge

Sơn kết cấu thép (Gói thầu B3-63) - Năm 2020

Structural steel (Contract package B3-63) - 2020



CẦU THẠCH HÃN, QUẢNG TRỊ

Thach Han bridge, Quang Tri

Sơn kết cấu thép (Gói thầu XL06) - Năm 2021

Structural steel (Contract package XL06) - 2021

CẦU SÔNG RẠNG

Song Rang bridge

Sơn kết cấu thép (Gói thầu số 39) - Năm 2022

Structural steel (Contract package No. 39) - 2022



CẦU Á LỮ

A Lu bridge

Sơn kết cấu thép (Gói thầu BG6) - Năm 2022

Structural steel (Contract package BG6) - 2022



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU / FEATURED PROJECTS



CẦU ĐƯỜNG SẮT BÌNH LỢI, TP. HCM

Binh Loi Railway bridge, Ho Chi Minh City

Sơn bảo trì kết cấu cầu đường sắt - Năm 2018
Railway bridge maintenance - 2018



CẦU KM1445+245 - CẦU KM1533+762, BÌNH THUẬN

Railway bridges Km1445+245 - Km1533+762, Binh Thuan

Sơn kết cấu 7 cầu đường sắt (Gói thầu XL-CY-03)
Năm 2021
Structural steel of 7 railway bridges
(Contract package XL-CY-03) - 2021

CẦU KM1178+984 - CẦU KM1699+245, PHÚ YÊN - ĐỒNG NAI

Railway bridges Km1178+984 - Km1699+245,
Phu Yen - Dong Nai

Sơn kết cấu 14 cầu đường sắt
(Gói thầu XL-CY-11) - Năm 2021
Structural steel of 14 railway bridges
(Contract package XL-CY-11) - 2021



CẦU KM1606 + 658, TUYẾN ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI - TP. HỒ CHÍ MINH

Railway bridge Km1606+658,
Hanoi - Ho Chi Minh City Railway

Sơn kết cấu thép cầu đường sắt
(Gói thầu số 17) - Năm 2022
Structural steel of railway bridge
(Contract package No. 17) - 2022



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU / FEATURED PROJECTS



CẦU KM1364 + 052,10 ĐOẠN ĐƯỜNG SẮT NHA TRANG - SÀI GÒN

Railway bridge Km1364+052.10,
Nha Trang - Sai Gon Railway

Sơn kết cấu thép cầu đường sắt
(Gói thầu số 14) - Năm 2022
Structural steel of railway bridge
(Contract package No. 14) - 2022



CẦU TRẦN NHẬT DUẬT KM2+215, TUYẾN ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI - ĐỒNG ĐĂNG

Tran Nhat Duat bridge (Km2+215),
Hanoi - Dong Dang Railway

Sơn sửa chữa định kỳ kết cấu - Năm 2025
Periodic structural maintenance - 2025

GA LÁNG + GA LA THÀNH, TUYẾN METRO CÁT LÍNH - HÀ ĐÔNG

Lang Station + La Thanh Station,
Cat Linh - Ha Dong Metro Line

Sơn kết cấu vòm thép - Năm 2016
Steel arch structure - 2016



CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

			Construction Material Laboratory Test Report No: INL25/514357-130-R1 Date: 30-May-2025 Page 1 of 5
VILAS 237			
Client's name / Tên khách hàng	: CÔNG TY TNHH SƠN THẾ HỆ MỚI		
Client's address / Địa chỉ	: 818/50 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		
The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as: <i>Các thông tin nhận dạng mẫu do khách hàng cung cấp:</i>			
Name of sample / Tên mẫu	: HỆ THỐNG SƠN CHỐNG ẮN MÒN ĐẠT MÔI TRƯỜNG C5-CAO (THEO ISO 12944)		
Quantity / Số lượng mẫu	: 01 sample / mẫu (10 pcs)		
Date of receiving / Ngày nhận mẫu	: 21-Feb-2025		
Date of testing / Ngày thử nghiệm	: From / từ 21-Feb-2025 to / đến 08-May-2025		
Test result / Kết quả thử nghiệm	: See next page(s) / Xem trang sau		
Remark / Lưu ý: This Report cancels and supersedes the Report No. INL25/514357-130 dated 08-May-2025 issued by SGS Vietnam Ltd. / Báo cáo này làm hết hiệu lực và thay thế báo cáo số INL25/514357-130 do SGS Việt Nam ban hành ngày 08/05/2025.			
Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD  Luu Van Trung Laboratory Supervisor Industrial Services			
Please extract your time to give us your feedback as this will help our service better. Thank you!			
			
This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.			
SGS Vietnam Limited Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tân Phú District, Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam t: (84) 28 3816 9999 f: (84) 28 3816 9996 www.sgs.vn			
Member of the SGS Group			

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/514357-130-R1
Date: 30-May-2025
Page 2 of 5

Description of sample / Mô tả mẫu:

Khu vực sơn & Tên sơn	Thứ tự lớp sơn	Mã số sơn	Màu sắc	Chiều dày màng khô (µm)
				360
Sơn Epoxy chống gỉ giàu kẽm	1	ET1601	Xám	60
Sơn Epoxy chống gỉ chất lượng cao	2	EH1602	Xám	120
Sơn Epoxy trung gian chất lượng cao	3	EH2104	Đỏ nâu	120
Sơn PU phủ	4	PU3652	Xám	60

Remark / Lưu ý: This information is provided by the client / Thông tin này do khách hàng cung cấp.

Original sample photo(s) / Hình ảnh mẫu nhận:



SGS authenticate the photos on original report only / SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** TO BE CONTINUED ***

66699 058399 This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21 19/5A St Industrial Group III, Tân Bình IZ Tân Phú District Ho Chi Minh City S R Vietnam t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/514357-130-R1
Date: 30-May-2025
Page 3 of 5

Test result(s) / Kết quả thử nghiệm:

Characteristic Tên chỉ tiêu	Test method Phương pháp thử nghiệm	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Test result Kết quả thử nghiệm	
1. Assessment of the adhesion/ cohesion of a coating by X-cut test / Đánh giá độ bám dính của lớp phủ bằng thử cắt chữ X	ISO 16276-2:2007 (X-cut test)	-	Classification of results: Phân loại kết quả:	
• Specimen 1 / Mẫu 1			Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
• Specimen 2 / Mẫu 2			Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
• Specimen 3 / Mẫu 3			Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
2. Pull-off test for adhesion of coating (*) / Kiểm tra độ bám dính của lớp phủ bằng thử kéo nhỏ	ISO 4624:2023 (Method B)	2.5 MPa Min.	Breaking strength / Cường độ phá hủy	Nature of failure / Dạng phá hủy
• Time 1 / Lần 1			11.96 MPa	Y
• Time 2 / Lần 2			12.19 MPa	Y
• Time 3 / Lần 3			10.45 MPa	Y
• Time 4 / Lần 4			10.06 MPa	Y
• Time 5 / Lần 5			11.30 MPa	Y
• Time 6 / Lần 6			10.98 MPa	Y
• Mean / Trung bình			11.16 MPa	-

*** TO BE CONTINUED ***

058400

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21 19/5A St Industrial Group III Tan Binh IZ Tan Phu District Ho Chi Minh City S R Vietnam t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0995 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/514357-130-R1
Date: 30-May-2025
Page 4 of 5

Characteristic / Tên chỉ tiêu	Test method / Phương pháp thử nghiệm			
3. Cyclic ageing test Kiểm tra lão hóa theo chu kỳ	ISO 12944-6:2018 - Annex B (10 cycles = 1680 h)			
The exposure cycle used in this procedure lasts a full week (168 h) and includes / Chu kỳ phơi mẫu sử dụng trong quy trình thử nghiệm này kéo dài trọn một tuần (168 h) bao gồm:				
a) 72 h of exposure to UV and condensation in accordance with ISO 16474-3 under the following conditions / 72 h chiếu UV và ngưng tụ ẩm theo ISO 16474-3 với các điều kiện sau đây: — method A, cycle 1 of ISO 16474-3:2013, alternating periods of 4 h exposure to UVA-340 lamps at (60 ± 3) °C and 4 h exposure to condensation at (50 ± 3) °C / phương pháp A, chu kỳ 1 theo ISO 16474-3:2013, có các chu trình thay đổi luân phiên với 4 h chiếu đèn UVA-340 ở (60 ± 3) °C và 4 h ngưng tụ ẩm ở (50 ± 3) °C,				
b) 72 h of exposure to neutral salt spray in accordance with ISO 9227 / 72 h phun mù muối trung tính theo ISO 9227;				
c) 24 h of exposure to low temperature at (-20 ± 2) °C / 24 h thử trong điều kiện nhiệt độ thấp ở (-20 ± 2) °C.				
❖ Assessment after cyclic ageing test / Đánh giá sau khi thử lão hóa theo chu kỳ				
Assessment methods Phương pháp đánh giá	Classification Phân loại	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Remarks Ghi chú	
3.1. ISO 4628-2, Blistering ISO 4628-2, Độ phồng rộp	0 (S0)	0 (S0)	No blistering Không phồng rộp	
3.2. ISO 4628-3, Rusting ISO 4628-3, Độ gỉ	Ri 0	Ri 0	No rusting Không gỉ	
3.3. ISO 4628-4, Cracking ISO 4628-4, Độ rạn nứt	0 (S0)	0 (S0)	No cracking Không rạn nứt	
3.4. ISO 4628-5, Flaking ISO 4628-5, Độ bong tróc	0 (S0)	0 (S0)	No flaking Không bong tróc	
❖ Assessment after cyclic ageing test / Đánh giá sau khi thử lão hóa theo chu kỳ				
Assessment methods Phương pháp đánh giá	Unit Đơn vị	Test result Kết quả thử nghiệm		
3.5. ISO 12944-6-A.2, Corrosion at scribe ISO 12944-6-A.2, Ăn mòn ở đường rạch		Specimen 1 Mẫu 1	Specimen 2 Mẫu 2	Specimen 3 Mẫu 3
• The corrosion at scribe Độ ăn mòn ở đường rạch	mm	0.00	0.00	0.00
• Average value / Trung bình	mm	0.00		
• Requirements / Yêu cầu ISO 12944-6:2018	mm	3.0 Max.		

*** TO BE CONTINUED ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tân Phú District, Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/514357-130-R1
Date: 30-May-2025
Page 5 of 5

❖ **Assessment after cyclic ageing test / Đánh giá sau khi thử lão hóa theo chu kỳ**

Characteristic Tên chỉ tiêu	Test method Phương pháp thử nghiệm	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Test result Kết quả thử nghiệm	
3.6. Assessment of the adhesion/cohesion of a coating by X-cut test / Đánh giá độ bám dính của lớp phủ bằng thử cắt chữ X	ISO 16276-2:2007 (X-cut test)	-	Classification of results: Phân loại kết quả:	
• Specimen 1 / Mẫu 1			Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
• Specimen 2 / Mẫu 2			Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
• Specimen 3 / Mẫu 3			Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
3.7. Pull-off test for adhesion of coating (*) / Kiểm tra độ bám dính của lớp phủ bằng thử kéo nhỏ	ISO 4624:2023 (Method B)	2.5 MPa Min.	Breaking strength/Cường độ phá hủy	Nature of failure / Dạng phá hủy
• Time 1 / Lần 1			9.89 MPa	Y
• Time 2 / Lần 2			8.39 MPa	Y
• Time 3 / Lần 3			9.34 MPa	Y
• Time 4 / Lần 4			8.59 MPa	Y
• Time 5 / Lần 5			8.25 MPa	Y
• Time 6 / Lần 6			9.05 MPa	Y
• Mean / Trung bình			8.92 MPa	-

Note / Ghi chú:

- (*) The test was accredited ISO 17025:2017 by VILAS / Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017 bởi VILAS.
- Y is cohesive failure of adhesive / Y là dạng phá hủy kết dính của keo dán.

Conclusion / Kết luận: Tested coating system complies with the requirements given in ISO 12944-6:2018 – Corrosivity category C5 High Test regime 2 / Hệ thống sơn thử nghiệm đáp ứng được yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO 12944-6:2018 – Môi trường ăn mòn C5, độ bền Cao, thử nghiệm theo chế độ 2.

*** END OF THE REPORT ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21 19/5A St. Industrial Group III Tân Bình Q2 Tân Phú District. Ho Chi Minh City S R Vietnam t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS



VILAS 237

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 1 of 17

Client's name / Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH SƠN THẾ HỆ MỚI
Client's address / Địa chỉ : 818/50 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH, PHƯỜNG THANH MỸ TÂY, TP
HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Các thông tin nhận dạng mẫu do khách hàng cung cấp:

Name of sample / Tên mẫu : HỆ SỐ 1
Quantity / Số lượng mẫu : 01 sample / mẫu
Date of receiving / Ngày nhận mẫu : 07-Oct-2025
Date of testing / Ngày thử nghiệm : From / từ 07-Oct-2025 to / đến 11-Dec-2025
Test result / Kết quả thử nghiệm : See next page(s) / Xem trang sau



Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD

Luu Van Trung
Laboratory Supervisor
Industrial Services

Please extract your time to give us your feedback as this will help our service better. Thank you!



This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St, Industrial Group III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, S.R, Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

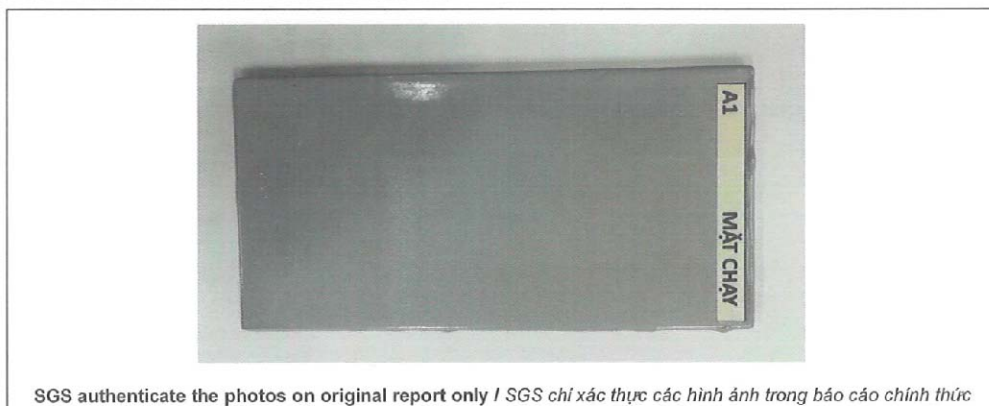
Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 2 of 17

Description of sample / Mô tả mẫu:

Tên sơn	Thứ tự lớp sơn	Mã số sơn	Chiều dày màng khô (µm)
			260
Sơn High Build Epoxy chống gỉ	1	HBE1xxx	100
Sơn High Build Epoxy chống gỉ	2	HBE1xxx	100
Sơn PU phủ	3	PU7035RAL	60

Remark / Lưu ý: This information is provided by the client / Thông tin này do khách hàng cung cấp.

Original sample photo(s) / Hình ảnh mẫu nhận:



SGS authenticate the photos on original report only / SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** TO BE CONTINUED ***

071811

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward, Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

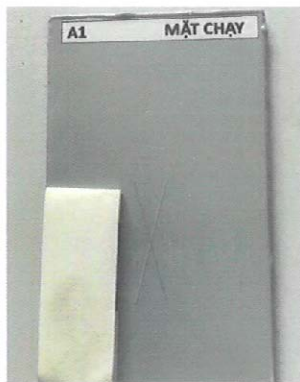
SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 3 of 17

1. Test before aging / Thử nghiệm trước lão hóa

Characteristic Tên chỉ tiêu	Test method Phương pháp thử nghiệm	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Test result Kết quả thử nghiệm	
1.1. Assessment of the adhesion/cohesion of a coating by X-cut test / Đánh giá độ bám dính của màng sơn bằng thử cắt chữ X	ISO 16276-2:2007 (X-cut test)	-	Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
1.2. Pull-off test for adhesion of coating (*) Kiểm tra độ bám dính của lớp phủ bằng thử kéo nhỏ	ISO 4624:2023 (Method B)	2.5 MPa Min.	Breaking strength / Cường độ phá hủy	Nature of failure / Dạng phá hủy
• Time 1 / Lần 1			11.56 MPa	n/m
• Time 2 / Lần 2			11.83 MPa	n/m
• Time 3 / Lần 3			11.37 MPa	n/m
• Time 4 / Lần 4			12.58 MPa	n/m
• Time 5 / Lần 5			12.30 MPa	n/m
• Time 6 / Lần 6			11.53 MPa	n/m
• Mean / Trung bình			11.86 MPa	-

AFTER TEST / SAU THỬ NGHIỆM



SGS authenticate the photos on original report only / SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** TO BE CONTINUED ***

0718121

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình (Z. Tay Thanh Ward, Hồ Chí Minh City, S.H. Vietnam. ☎ (84) 28 3816 0399 ☎ (84) 28 3816 0396 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 4 of 17

2. Water condensation test / Thử nghiệm ngưng tụ nước

Characteristic / Tên chỉ tiêu	Test method / Phương pháp thử nghiệm		
Water condensation test <i>Kiểm tra ngưng tụ nước</i>	ISO 6270-1 : 2017		
Test conditions / Điều kiện thử nghiệm: • Test duration / Thời gian thử nghiệm: 720 hours / giờ. • Evaluation after 240hours, 480hours, 720hours / Đánh giá sau 240 giờ, 480 giờ, 720 giờ. • Test temperature / Nhiệt độ thử nghiệm: 38 °C.			
❖ Assessment after 240 hours of water condensation test <i>Đánh giá sau 240 giờ thử nghiệm ngưng tụ nước</i>			
Assessment method <i>Phương pháp đánh giá</i>	Classification <i>Phân loại</i>	Requirements <i>Yêu cầu</i> ISO 12944-6:2018	Remark <i>Ghi chú</i>
2.1. ISO 4628-2, Blistering <i>ISO 4628-2, Độ phồng rộp</i>	0 (S0)	0 (S0)	No blistering / Không phồng rộp
2.2. ISO 4628-3, Rusting <i>ISO 4628-3, Độ gỉ</i>	Ri 0 (S0)	Ri 0	No rusting / Không gỉ
2.3. ISO 4628-4, Cracking <i>ISO 4628-4, Độ rạn nứt</i>	0 (S0)	0 (S0)	No cracking / Không rạn nứt
2.4. ISO 4628-5, Flaking <i>ISO 4628-5, Độ bong tróc</i>	0 (S0)	0 (S0)	No flaking / Không bong tróc

*** TO BE CONTINUED ***

071813

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Hồ Chí Minh City, S.R. Vietnam. t (04) 20 3816 0999 f (04) 20 3816 0696 www.sgs.vn

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 5 of 17

❖ **Assessment after 240 hours of water condensation test**
Đánh giá sau 240 giờ thử nghiệm ngưng tụ nước

Characteristic <i>Tên chỉ tiêu</i>	Test method <i>Phương pháp thử nghiệm</i>	Requirements <i>Yêu cầu</i> ISO 12944-6:2018	Test result <i>Kết quả thử nghiệm</i>	
2.5. Assessment of the adhesion/cohesion of a coating by X-cut test / <i>Đánh giá độ bám dính của màng sơn bằng thử cắt chữ X</i>	ISO 16276-2:2007 (X-cut test)	-	Level 0: No peeling or removal of coating / <i>Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra</i>	
2.6. Pull-off test for adhesion of coating ^(*) / <i>Kiểm tra độ bám dính của lớp phủ bằng thử kéo nhỏ</i>	ISO 4624:2023 (Method B)	2.5 MPa Min.	Breaking strength / <i>Cường độ phá hủy</i>	Nature of failure / <i>Dạng phá hủy</i>
• Time 1 / Lần 1			10.23 MPa	n/m
• Time 2 / Lần 2			10.06 MPa	n/m
• Time 3 / Lần 3			11.66 MPa	n/m
• Time 4 / Lần 4			10.00 MPa	n/m
• Time 5 / Lần 5			11.90 MPa	n/m
• Time 6 / Lần 6			11.14 MPa	n/m
• Mean / Trung bình			10.83 MPa	-

*** TO BE CONTINUED ***

071814

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Định IZ, Tây Thanh Ward, Ilo Chi Minh City, S.R. Vietnam. t (84) 28 3616 0999 f (84) 28 3616 0996 www.sgs.vn

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)



Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 6 of 17

❖ Assessment after 480 hours of water condensation test Đánh giá sau 480 giờ thử nghiệm ngưng tụ nước					
Assessment method Phương pháp đánh giá		Classification Phân loại	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Remark Ghi chú	
2.1. ISO 4628-2, Blistering ISO 4628-2, Độ phồng rộp		0 (S0)	0 (S0)	No blistering / Không phồng rộp	
2.2. ISO 4628-3, Rusting ISO 4628-3, Độ gỉ		Ri 0 (S0)	Ri 0	No rusting / Không gỉ	
2.3. ISO 4628-4, Cracking ISO 4628-4, Độ rạn nứt		0 (S0)	0 (S0)	No cracking / Không rạn nứt	
2.4. ISO 4628-5, Flaking ISO 4628-5, Độ bong tróc		0 (S0)	0 (S0)	No flaking / Không bong tróc	
❖ Assessment after 480 hours of water condensation test Đánh giá sau 480 giờ thử nghiệm ngưng tụ nước					
Characteristic Tên chỉ tiêu		Test method Phương pháp thử nghiệm	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Test result Kết quả thử nghiệm	
2.5. Assessment of the adhesion/ cohesion of a coating by X-cut test / Đánh giá độ bám dính của màng sơn bằng thử cắt chữ X		ISO 16276- 2:2007 (X-cut test)	-	Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
2.6. Pull-off test for adhesion of coating ^(*) Kiểm tra độ bám dính của lớp phủ bằng thử kéo nhỏ		ISO 4624:2023 (Method B)	2.5 MPa Min.	Breaking strength / Cường độ phá hủy	Nature of failure / Dạng phá hủy
• Time 1 / Lần 1				9.10 MPa	n/m
• Time 2 / Lần 2				8.68 MPa	n/m
• Time 3 / Lần 3				9.25 MPa	n/m
• Time 4 / Lần 4				9.12 MPa	n/m
• Time 5 / Lần 5				8.69 MPa	n/m
• Time 6 / Lần 6				9.36 MPa	n/m
• Mean / Trung bình				9.03 MPa	-

*** TO BE CONTINUED ***

071815

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 7 of 17

❖ **Assessment after 720 hours of water condensation test**
Đánh giá sau 720 giờ thử nghiệm ngưng tụ nước

Assessment method Phương pháp đánh giá	Classification Phân loại	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Remark Ghi chú
2.1. ISO 4628-2, Blistering ISO 4628-2, Độ phồng rộp	0 (S0)	0 (S0)	No blistering / Không phồng rộp
2.2. ISO 4628-3, Rusting ISO 4628-3, Độ gỉ	Ri 0 (S0)	Ri 0	No rusting / Không gỉ
2.3. ISO 4628-4, Cracking ISO 4628-4, Độ rạn nứt	0 (S0)	0 (S0)	No cracking / Không rạn nứt
2.4. ISO 4628-5, Flaking ISO 4628-5, Độ bong tróc	0 (S0)	0 (S0)	No flaking / Không bong tróc

❖ **Assessment after 720 hours of water condensation test**
Đánh giá sau 720 giờ thử nghiệm ngưng tụ nước

Characteristic Tên chỉ tiêu	Test method Phương pháp thử nghiệm	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Test result Kết quả thử nghiệm	
2.5. Assessment of the adhesion/ cohesion of a coating by X-cut test / Đánh giá độ bám dính của màng sơn bằng thử cắt chữ X	ISO 16276-2:2007 (X-cut test)	-	Level 1: Trace peeling or removal along cuts or at their intersection Mức 1: Vết sơn nhỏ bị bong hoặc tách ra dọc vết cắt hoặc tại giao điểm của 2 vết cắt	
2.6. Pull-off test for adhesion of coating (*) Kiểm tra độ bám dính của lớp phủ bằng thử kéo nhỏ	ISO 4624:2023 (Method B)	2.5 MPa Min.	Breaking strength / Cường độ phá hủy	Nature of failure / Dạng phá hủy
• Time 1 / Lần 1			8.85 MPa	n/m
• Time 2 / Lần 2			8.86 MPa	n/m
• Time 3 / Lần 3			8.10 MPa	n/m
• Time 4 / Lần 4			9.66 MPa	n/m
• Time 5 / Lần 5			8.04 MPa	n/m
• Time 6 / Lần 6			8.84 MPa	n/m
• Mean / Trung bình			8.73 MPa	-

*** TO BE CONTINUED ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward, Hồ Chí Minh City, S.R. Vietnam. ☎ (84) 28 3816 0999 📠 (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

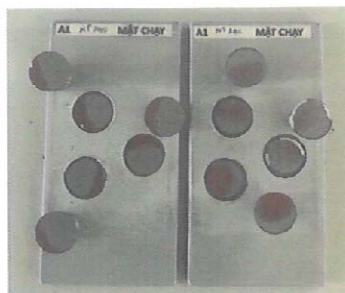
CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

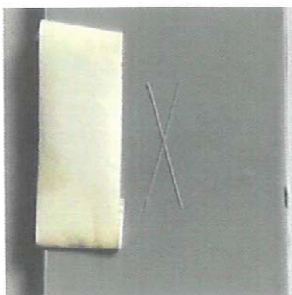
Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 8 of 17

AFTER TEST WATER CONDENSATION / SAU THỬ NGHIỆM NGƯNG TỤ NƯỚC

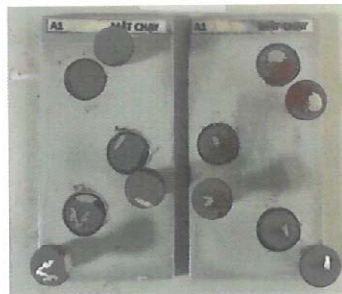
240 HOURS / 240 GIỜ



480 HOURS / 480 GIỜ



720 HOURS / 720 GIỜ



SGS authenticate the photos on original report only / SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** TO BE CONTINUED ***

0718171

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Hồ Chí Minh City, S.R. Vietnam. ☎ (84) 28 3816 0999 📠 (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 9 of 17

3. Salt Spray Test (Neutral Salt Spray (NSS)) / Thử nghiệm phun sương muối

Characteristic / Tên chỉ tiêu		Test method / Phương pháp thử nghiệm	
Salt Spray Test (Neutral Salt Spray (NSS)) Thử nghiệm phun sương muối		ISO 9227-2022	
• Scope / Phạm vi áp dụng : To evaluate the corrosion resistance of paint coating / Để đánh giá khả năng chống ăn mòn của lớp phủ sơn. • Type of Test adopted / Loại thử nghiệm được áp dụng : Neutral Salt Spray (NSS) / Phun muối trung tính. • NaCl Solution / Dung dịch NaCl : 50g/L. • Test Duration / Thời gian thử nghiệm : 1440 hours / giờ (As specified by client / được chỉ định bởi khách hàng). • Evaluation after 480hours, 720hours, 1440hours / Đánh giá sau 480 giờ, 720 giờ, 1440 giờ.			
❖ Evaluation after 480 hours of salt spray test / Đánh giá sau 480 giờ thử nghiệm phun sương muối			
Assessment method Phương pháp đánh giá	Classification Phân loại	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Remark Ghi chú
3.1. ISO 4628-2, Blistering ISO 4628-2, Độ phồng rộp	0 (S0)	0 (S0)	No blistering Không phồng rộp
3.2. ISO 4628-3, Rusting ISO 4628-3, Độ gỉ	Ri 0 (S0)	Ri 0	No rusting / Không gỉ
3.3. ISO 4628-4, Cracking ISO 4628-4, Độ rạn nứt	0 (S0)	0 (S0)	No cracking / Không rạn nứt
3.4. ISO 4628-5, Flaking ISO 4628-5, Độ bong tróc	0 (S0)	0 (S0)	No flaking / Không bong tróc
❖ Evaluation after 480 hours of salt spray test / Đánh giá sau 480 giờ thử nghiệm phun sương muối			
Assessment method Phương pháp đánh giá	Unit Đơn vị	Test result Kết quả thử nghiệm	
3.5. ISO 12944-6, Corrosion at scribe ISO 12944-6, Ăn mòn ở đường rạch		Specimen 1 Mẫu 1	Specimen 2 Mẫu 2
• The corrosion at scribe Độ ăn mòn ở đường rạch	mm	0.0	0.0
• Average value / Trung bình	mm	0.0	
• Requirements / Yêu cầu ISO 12944-6:2018	mm	1.5 Max.	

*** TO BE CONTINUED ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St, Industrial Group III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 10 of 17

❖ Evaluation after 480 hours of salt spray test / Đánh giá sau 480 giờ thử nghiệm phun sương muối

Characteristic Tên chỉ tiêu	Test method Phương pháp thử nghiệm	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Test result Kết quả thử nghiệm	
3.6. Assessment of the adhesion/ cohesion of a coating by X-cut test / Đánh giá độ bám dính của màng sơn bằng thử cắt chữ X	ISO 16276-2:2007 (X-cut test)	-	Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
3.7. Pull-off test for adhesion of coating (*) Kiểm tra độ bám dính của lớp phủ bằng thử kéo nhỏ	ISO 4624:2023 (Method B)	2.5 MPa Min.	Breaking strength / Cường độ phá hủy	Nature of failure / Dạng phá hủy
• Time 1 / Lần 1			10.36 MPa	-/Y
• Time 2 / Lần 2			10.28 MPa	-/Y
• Time 3 / Lần 3			9.79 MPa	-/Y
• Time 4 / Lần 4			10.46 MPa	n/m
• Time 5 / Lần 5			11.46 MPa	n/m
• Time 6 / Lần 6			10.84 MPa	n/m
• Mean / Trung bình			10.53 MPa	-

*** TO BE CONTINUED ***

071819

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward, Hồ Chí Minh City, S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 11 of 17

❖ Evaluation after 720 hours of salt spray test / Đánh giá sau 720 giờ thử nghiệm phun sương muối

Assessment method <i>Phương pháp đánh giá</i>	Classification <i>Phân loại</i>	Requirements <i>Yêu cầu</i> ISO 12944-6:2018	Remark <i>Ghi chú</i>
3.1. ISO 4628-2, Blistering <i>ISO 4628-2, Độ phồng rộp</i>	0 (S0)	0 (S0)	No blistering <i>Không phồng rộp</i>
3.2. ISO 4628-3, Rusting <i>ISO 4628-3, Độ gỉ</i>	Ri 0 (S0)	Ri 0	No rusting / <i>Không gỉ</i>
3.3. ISO 4628-4, Cracking <i>ISO 4628-4, Độ rạn nứt</i>	0 (S0)	0 (S0)	No cracking / <i>Không rạn nứt</i>
3.4. ISO 4628-5, Flaking <i>ISO 4628-5, Độ bong tróc</i>	0 (S0)	0 (S0)	No flaking / <i>Không bong tróc</i>

❖ Evaluation after 720 hours of salt spray test / Đánh giá sau 720 giờ thử nghiệm phun sương muối

Assessment method <i>Phương pháp đánh giá</i>	Unit <i>Đơn vị</i>	Test result <i>Kết quả thử nghiệm</i>	
3.5. ISO 12944-6, Corrosion at scribe <i>ISO 12944-6, Ăn mòn ở đường rạch</i>		Specimen 1 <i>Mẫu 1</i>	Specimen 2 <i>Mẫu 2</i>
• The corrosion at scribe <i>Độ ăn mòn ở đường rạch</i>	mm	0.43	0.40
• Average value / <i>Trung bình</i>	mm	0.4	
• Requirements / <i>Yêu cầu</i> ISO 12944-6:2018	mm	1.5 Max.	

*** TO BE CONTINUED ***

071820

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward, Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 12 of 17

❖ Evaluation after 720 hours of salt spray test / Đánh giá sau 720 giờ thử nghiệm phun sương muối

Characteristic <i>Tên chỉ tiêu</i>	Test method <i>Phương pháp thử nghiệm</i>	Requirements <i>Yêu cầu</i> ISO 12944-6:2018	Test result <i>Kết quả thử nghiệm</i>	
3.6. Assessment of the adhesion/ cohesion of a coating by X-cut test / Đánh giá độ bám dính của màng sơn bằng thử cắt chữ X	ISO 16276-2:2007 (X-cut test)	-	Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
3.7. Pull-off test for adhesion of coating ⁽¹⁾ Kiểm tra độ bám dính của lớp phủ bằng thử kéo nhỏ	ISO 4624:2023 (Method B)	2.5 MPa Min.	Breaking strength / Cường độ phá hủy	Nature of failure / Dạng phá hủy
• Time 1 / Lần 1			10.30 MPa	n/m
• Time 2 / Lần 2			10.52 MPa	n/m
• Time 3 / Lần 3			10.60 MPa	n/m
• Time 4 / Lần 4			9.76 MPa	n/m
• Time 5 / Lần 5			10.48 MPa	n/m
• Time 6 / Lần 6			10.53 MPa	n/m
• Mean / Trung bình			10.37 MPa	-

*** TO BE CONTINUED ***

071821

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam. ☎ (84) 28 3816 0998 📠 (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 13 of 17

❖ Evaluation after 1440 hours of salt spray test / Đánh giá sau 1440 giờ thử nghiệm phun sương muối			
Assessment method Phương pháp đánh giá	Classification Phân loại	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Remark Ghi chú
3.1. ISO 4628-2, Blistering ISO 4628-2, Độ phồng rộp	0 (S0)	0 (S0)	No blistering Không phồng rộp
3.2. ISO 4628-3, Rusting ISO 4628-3, Độ gỉ	Ri 0 (S0)	Ri 0	No rusting / Không gỉ
3.3. ISO 4628-4, Cracking ISO 4628-4, Độ rạn nứt	0 (S0)	0 (S0)	No cracking / Không rạn nứt
3.4. ISO 4628-5, Flaking ISO 4628-5, Độ bong tróc	0 (S0)	0 (S0)	No flaking / Không bong tróc
❖ Evaluation after 1440 hours of salt spray test / Đánh giá sau 1440 giờ thử nghiệm phun sương muối			
Assessment method Phương pháp đánh giá	Unit Đơn vị	Test result Kết quả thử nghiệm	
3.5. ISO 12944-6, Corrosion at scribe ISO 12944-6, Ăn mòn ở đường rạch		Specimen 1 Mẫu 1	Specimen 2 Mẫu 2
• The corrosion at scribe Độ ăn mòn ở đường rạch	mm	0.79	0.69
• Average value / Trung bình	mm	0.7	
• Requirements / Yêu cầu ISO 12944-6:2018	mm	1.5 Max.	

*** TO BE CONTINUED ***

071822

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, S.R Vietnam | t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 14 of 17

❖ Evaluation after 1440 hours of salt spray test / Đánh giá sau 1440 giờ thử nghiệm phun sương muối

Characteristic Tên chỉ tiêu	Test method Phương pháp thử nghiệm	Requirements Yêu cầu ISO 12944-6:2018	Test result Kết quả thử nghiệm	
3.6. Assessment of the adhesion/cohesion of a coating by X-cut test / Đánh giá độ bám dính của màng sơn bằng thử cắt chữ X	ISO 16276-2:2007 (X-cut test)	-	Level 0: No peeling or removal of coating / Mức 0: Màng sơn không bị bong tróc và tách ra	
3.7. Pull-off test for adhesion of coating (*) Kiểm tra độ bám dính của lớp phủ bằng thử kéo nhỏ	ISO 4624:2023 (Method B)	2.5 MPa Min.	Breaking strength / Cường độ phá hủy	Nature of failure / Dạng phá hủy
• Time 1 / Lần 1			10.32 MPa	n/m
• Time 2 / Lần 2			9.65 MPa	n/m
• Time 3 / Lần 3			10.11 MPa	n/m
• Time 4 / Lần 4			10.01 MPa	n/m
• Time 5 / Lần 5			10.12 MPa	n/m
• Time 6 / Lần 6			10.25 MPa	n/m
• Mean / Trung bình			10.08 MPa	-

Note / Ghi chú:

- (*) The test was accredited ISO 17025:2017 by VILAS / Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017 bởi VILAS.
- Y is adhesive failure between final coat and adhesive / -Y là dạng phá hủy giữa lớp phủ cuối và keo dán.
- n/m is adhesive failure between the nth coat and the mth coat of a multicoat system / n/m là dạng phá hủy giữa lớp sơn thứ n và lớp sơn thứ m của hệ thống nhiều lớp.

Conclusion / Kết luận: Tested coating system comply with the requirements given in ISO 12944-6:2018 – Corrosivity category C4 very high or C5 high Test regime 1 / Hệ thống sơn thử nghiệm đáp ứng được yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO 12944-6:2018 – Môi trường ăn mòn C4 độ bền rất cao hoặc C5 độ bền cao, thử nghiệm theo chế độ 1.

*** TO BE CONTINUED ***

071823

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

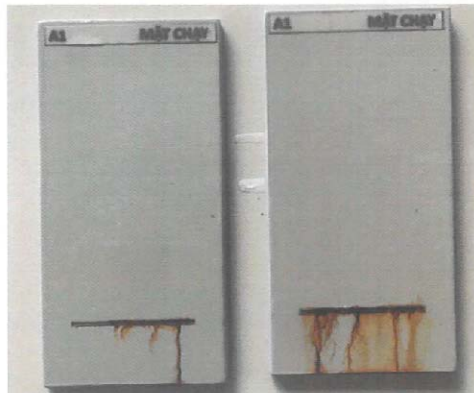
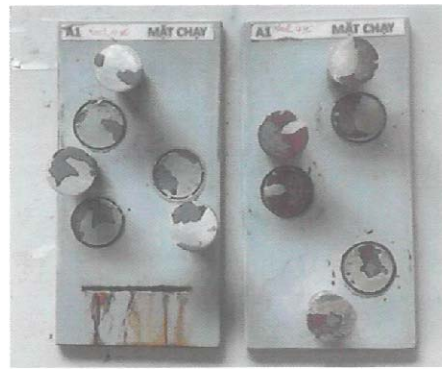
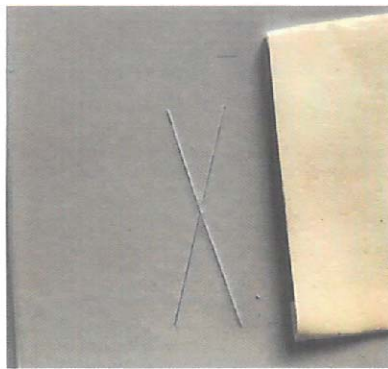
CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 15 of 17

AFTER TEST SALT SPRAY / SAU THỬ NGHIỆM PHUN MUỐI

480 HOURS / 480 GIỜ



SGS authenticate the photos on original report only / SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** TO BE CONTINUED ***

071824

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A ST. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Hồ Chí Minh City, S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

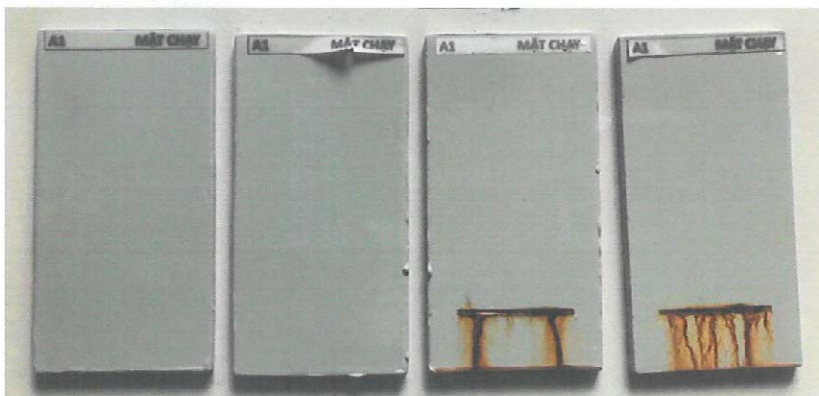
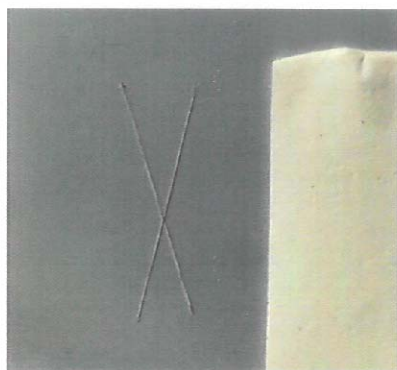
CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 16 of 17

AFTER TEST SALT SPRAY / SAU THỬ NGHIỆM PHUN MUỐI

720 HOURS / 720 GIỜ



SGS authenticate the photos on original report only / SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** TO BE CONTINUED ***

071825

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot 11/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward, Hồ Chí Minh City, S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

SGS

Construction Material Laboratory
Test Report No: INL25/515993-792-1
Date: 11-Dec-2025
Page 17 of 17

AFTER TEST SALT SPRAY / SAU THỬ NGHIỆM PHUN MUỐI

1440 HOURS / 1440 GIỜ



SGS authenticate the photos on original report only / SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** END OF THE REPORT ***

071826

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <https://www.sgs.com/en-vn/terms-and-conditions>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Limited | Lot III/21, 19/5A St, Industrial Group III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, S.R, Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3818 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)



ISO 9001 - 2015

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
INSTITUTE OF TRANSPORT SCIENCE AND TECHNOLOGY (ITST)
VIỆN CHUYÊN NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG & BẢO VỆ CÔNG TRÌNH
INSTITUTE OF MATERIALS FOR CONSTRUCTION AND PROTECTION (IMCP)
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA - VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS - XD 201
CHEMISTRY - CONSTRUCTION MATERIAL LABORATORY LAS - XD 201

Địa chỉ: Số 1252, Đường Láng - Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội - Hotline: 0981016201/0981143201 (Hà Nội)
Add: 1252 - Lang Street - Lang Thuong - Dong Da - Ha Noi. - Hotline: 0986 268 201 (TP.HCM)

Số: 927 /2025../TN LAS - XD 201

Mã số PTN/Lab. Code: LAS - XD 201

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM TEST RESULTS

- Đơn vị gửi mẫu /Client: Công ty TNHH Sơn Thể hệ mới
- Tên mẫu/Name samples: Bi phản quang sử dụng cho sơn kẻ đường nhiệt dẻo - Loại rắc bề mặt
- Số phiếu yêu cầu/ Request code: 140425/02 (2)
- Yêu cầu thí nghiệm/ Test requirements: Thí nghiệm một số chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn AASHTO M247-13(2018), Type II
- Ngày nhận mẫu/ date of receiving: 15/04/2025 Ngày thí nghiệm/ Date of testing: 16/04/2025
- Kết quả thí nghiệm/ Test results:

TT No	TÊN CHỈ TIÊU ANALYSES ITEM	ĐƠN VỊ UNIT	YÊU CẦU KỸ THUẬT REQUIREMENTS	KẾT QUẢ TN TEST RESULTS	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHODS
1	Độ tròn/Roundness	%	≥ 70	99,84	ASTM D 1155 - 10(2020)
2	Đặc tính chảy Flow Characteristics	-	Các hạt thủy tinh chảy dễ dàng khi thử nghiệm/beads will flow properly when tested	Đạt/good	AASHTO T 346-13 (2021)
3	Trạng thái của bi State glass bead	-	Hạt bi phải khô, không bị vón cục/ The beads shall be dry free of lump and clusters	Khô, không bị vón cục/dry, not clotted	AASHTO T 346-13 (2021)
4	Phân cấp cỡ hạt/Gradation of glass beads:				
	Sàng 1,18 mm	% KL bi lọt qua sàng	100	100	ASTM D 1214-10(2020)
	Sàng 0,850 mm		90 - 100	95,07	ASTM D 1214-10(2020)
	Sàng 0,600 mm		50 - 75	53,24	ASTM D 1214-10(2020)
	Sàng 0,425 mm		15 - 45	16,33	ASTM D 1214-10(2020)
	Sàng 0,300 mm		0 - 15	2,19	ASTM D 1214-10(2020)
	Sàng 0,180 mm		0 - 5	0,87	ASTM D 1214-10(2020)

***Ghi chú/ Notes:**

- Kết quả thí nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử do đơn vị gửi đến/ Test results are only valuable for the sample sent by the customer
- Thông tin về mẫu thử do khách hàng cung cấp/ Information about test sample are provided by client.
- Lưu mẫu trong vòng 01 tháng/ Storage the sample for one month.
- Không được phép sao chép kết quả thí nghiệm nếu không được sự đồng ý của Phòng thí nghiệm LAS XD-201/ Any reproductions of the test result without permission of laboratory LAS XD -201 are not allowed.

VIỆN CHUYÊN NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG & BẢO VỆ CÔNG TRÌNH
INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS AND CONSTRUCTION PROTECTION (IMCP)

Viện Giám đốc/Director

ThS. Nguyễn Thúy Hằng
MSc. Hang Nguyen Thuy

PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS - XD 201
CHEMISTRY - CONSTRUCTION MATERIAL LABORATORY LAS - XD 201

Trưởng phòng/ Department of Head



KSC. Đào Minh Tuệ
Eng. Tue Minh Dao

Hà Nội, ngày 16.04.2025

Thí nghiệm /Testers:

KS. Trần Văn Hải

Kiểm tra/Checker:

ThS. Đỗ Văn Tài

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)



ISO 9001 - 2015

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
INSTITUTE OF TRANSPORT SCIENCE AND TECHNOLOGY (ITST)
VIỆN CHUYÊN NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG & BẢO VỆ CÔNG TRÌNH
INSTITUTE OF MATERIALS FOR CONSTRUCTION AND PROTECTION (IMCP)
PHÒNG THÍ NGHIỆM HÓA - VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS - XD 201
CHEMISTRY - CONSTRUCTION MATERIAL LABORATORY LAS - XD 201

Địa chỉ: Số 1252, Đường Láng - Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội
Add: 1252 - Lang Street - Lang Thuong - Dong Da - Ha Noi.

Điện thoại/Tel: 024.37664375
Fax: 024.37664375

Số: 539 /2023/TN LAS - XD 201

Mã số PTN/Lab. Code: LAS - XD 201

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM TEST RESULTS

- | | |
|--|---|
| 1. Đơn vị gửi mẫu/ Client | : Chi nhánh Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP |
| 2. Dự án/ Project | : Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài |
| 3. Gói thầu/ Package | : Mua vật tư sơn kê duy tu tổng thể đường CHC 11R/29L (1B) và sơn định kỳ tìm các đường CHC - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài |
| 4. Địa chỉ/ Location | : Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - Phú Minh - Sóc Sơn - Hà Nội |
| 5. Tên mẫu/ Name sample | : Sơn PU 1K phủ: PU1K690 (trắng) |
| 6. Mã số mẫu / Sample code | : 71/2023(1) |
| 7. Yêu cầu thí nghiệm/Test required | : Kiểm tra một số chỉ tiêu kỹ thuật |
| 8. Ngày gửi mẫu/ Date receiving sample | : 21/2/2023 |
| 9. Ngày thí nghiệm/ Date of testing | : 21/2/2023 |
| 10. Kết quả thí nghiệm/ Results | : |

TT No	TÊN CHỈ TIÊU ANALYSIS ITEM	ĐƠN VỊ UNIT	KẾT QUẢ TN RESULTS	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD
1	Độ nhớt	KU	66,1	TCVN 9879:2013
2	Khối lượng riêng	g/L	1,284	TCVN 10237-1:2013
3	Hàm lượng chất rắn	%	50,14	TCVN 10519:2014
4	Thời gian khô bề mặt	Phút	10	TCVN 2096-3:2015
5	Tỷ lệ dẫn trải	m ² /kg/lớp	3,5	TCVN 2095:1993
6	Độ bám dính kéo nhỏ	MPa	2,98/2,69/2,95/2,42 (Phá hủy xảy ra trong bê tông)	ASTM D4541:2002
7	Độ bền uốn	mm	10	TCVN 2099:2013
8	Độ bền nước, 72 giờ	-	Sau thử nghiệm, màng sơn không xuất hiện bong tróc hoặc phồng rộp	TCVN 10517-1:2014
9	Độ bền thời tiết, 240 giờ	-	Sau thử nghiệm, màng sơn không xuất hiện phồng rộp, không nứt, không bong tróc; Màu sắc thay đổi so với mẫu ban đầu ΔE=1,143.	TCVN 9277:2012

*** Ghi chú:**

- Kết quả thí nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử do đơn vị gửi đến/Testing results are only valueable for the sample sent by the customer
- Thông tin về mẫu thử do khách hàng cung cấp/Information about test sample provided by client.
- Lưu mẫu trong vòng 01 tháng/Storage the sample for one month.
- Không được phép sao chép kết quả thí nghiệm nếu không được sự đồng ý của Phòng thí nghiệm LAS XD-201/Cannot allow to reproduce the result if there is not agreement from laboratory LAS XD-201.

VIỆN CHUYÊN NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG & BẢO VỆ CÔNG TRÌNH
INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS AND CONSTRUCTION PROTECTION (IMCP)
Giám đốc/ Director

ThS. Nguyễn Thủy Hằng
Ms.C. Hang Thuy Nguyen
CHỦ ĐẦU TƯ
EMPLOYER

PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS - XD 201
CHEMISTRY - CONSTRUCTION MATERIAL LABORATORY LAS - XD 201
Trưởng phòng/ Head of Department

KSC. Đào Minh Tuệ
Eng. Tue Dao Minh
TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANTS

Hà Nội, ngày 10.03.2023

Thí nghiệm /Testers:

KS. Nguyễn Xuân Vũ
Eng. Vu Nguyen Xuan

Kiểm tra/Checker:

ThS. Đỗ Văn Tài
Ms.C. Tai Do Van

NHÀ THẦU
CONTRACTORS

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)



BỘ XÂY DỰNG - MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS
PHÂN VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG MIỀN NAM
SOUTH VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS
Địa chỉ: Lô 1-3b-5, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Address: Lot 1-3b-5, N6 Road, Saigon Hi-Tech Park, Tan Phu Ward, Thu Duc Municipal city, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): 028 3730 5015, Fax: 028 3730 5016

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
Số/ No. : 2388/SVIBM/PTH

Đơn vị yêu cầu/ Client	CÔNG TY TNHH CHỨNG NHẬN NAM VIỆT				
Đơn vị sản xuất/ Production factory	CÔNG TY TNHH SƠN THẾ HỆ MỚI				
Địa điểm/ Location	818/50 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh				
Tên mẫu/ Name of Sample	Chất chống thấm 2 thành phần (SV100)				
Ngày nhận mẫu/ Received date	05/12/2024				
Ngày thí nghiệm/ Test period	Từ/ from: 06/12/2024 đến/ to: 17/01/2025				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristics	Đơn vị Units	Kết quả Results	Yêu cầu kỹ thuật Requirements (BS EN 14891)	Phương pháp thử Test methods
1	Cường độ bám dính Initial tensile adhesion strength	MPa	0,72	≥ 0,5	TCVN 12692:2020
2	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước Tensile adhesion strength after water contact	MPa	0,65	≥ 0,5	
3	Cường độ bám dính sau khi lão hóa nhiệt Tensile adhesion strength after heat ageing	MPa	0,56	≥ 0,5	
4	Cường độ bám dính sau chu kỳ đóng và tan băng Tensile adhesion strength after freeze-thaw cycles	MPa	0,52	≥ 0,5	
5	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước vôi Tensile adhesion strength after contact with lime water	MPa	0,58	≥ 0,5	
6	Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường Crack-bridging ability (under standard conditions)	mm	1,08	≥ 0,75	
7	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 150 kPa trong 7 ngày Waterproofing (150 kPa, 7 days)	-	Không thấm No penetration 12,4 g	Không thấm và khối lượng tăng ≤ 20 g No penetration and ≤ 20 g weight gain	ASTM D 412
8	Độ bền kéo Tensile strength	MPa	2,05	-	
9	Độ giãn dài khi đứt Elongation at break	%	19,1	-	

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



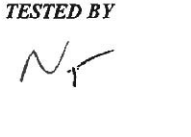
MS. Phạm Đức Nhuận

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
CHIEF OF LABORATORY



Eng. Nguyễn Ngọc Nam

THÍ NGHIỆM
TESTED BY



Eng. Mai Trọng Nguyễn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 1 năm 2025



* Ghi chú / Notice:

- Mẫu do khách hàng mang đến SVIBM, kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Sample were sent to SVIBM, The result is valid only on tested sample

- Tên mẫu và tên cơ quan gửi mẫu được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng/ Name of Sample and Client are reported as client's request

- Không được sao chép từng phần, được sao chép toàn bộ phiếu kết quả này/ This test report not be reproduced, except in full

KQTN CHỐNG THẤM 2 THÀNH PHẦN SV100 / Test Results of SV100 Two-Component Waterproofing

34

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

 BỘ XÂY DỰNG - MINISTRY OF CONSTRUCTION VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS PHẦN VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG MIỀN NAM SOUTH VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS Địa chỉ: Lô T-3b-5, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh Address: Lot T-3b-5, N6 Road, Saigon Hi-Tech Park, Tan Phu Ward, Thu Duc Municipal city, Ho Chi Minh City Điện thoại (Tel): 028 3730 5015, Fax: 028 3730 5016								
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số/ No.: 2729/SVIBM/PTH								
Đơn vị yêu cầu/ Client		CÔNG TY TNHH SƠN THẾ HỆ MỚI						
Địa chỉ/ Address		818/50 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh						
Tên mẫu/ Name of Sample		CHỐNG THẨM HAI CHIỀU THẾ HỆ MỚI - SealFlex Pro						
Ngày nhận mẫu/ Received date		21/01/2025						
Ngày thí nghiệm/ Test period		Từ/ from: 24/01/2025 đến/ to: 25/03/2025						
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristics	Đơn vị Units	Kết quả Results	Yêu cầu kỹ thuật Requirements (TCVN 12692:2020)	Phương pháp thử Test methods			
1	Cường độ bám dính Initial tensile adhesion strength	MPa	0,75	$\geq 0,5$	TCVN 12692:2020			
2	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước Tensile adhesion strength after water contact	MPa	0,75	$\geq 0,5$				
3	Cường độ bám dính sau khi lão hóa nhiệt Tensile adhesion strength after heat ageing	MPa	0,56	$\geq 0,5$				
4	Cường độ bám dính sau chu kỳ đóng và tan băng Tensile adhesion strength after freeze-thaw cycles	MPa	0,54	$\geq 0,5$				
5	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước vôi Tensile adhesion strength after contact with lime water	MPa	0,65	$\geq 0,5$				
6	Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường ^(a) Crack-bridging ability (under standard conditions)	mm	0,96	$\geq 0,75$				
7	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 150 kPa trong 7 ngày Waterproofing (150 kPa, 7 days)	-	Không thấm No penetration 15,1 g	Không thấm và khối lượng tăng ≤ 20 g No penetration and ≤ 20 g weight gain	ASTM D 412			
8	Độ bền kéo Tensile strength	MPa	2,26	-				
9	Độ giãn dài khi đứt Elongation at break	%	52	-				
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025 <table border="0"> <tr> <td> PHÓ GIÁM ĐỐC VICE DIRECTOR  Ms. Nguyen Huu Tai </td> <td> TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CHIEF OF LABORATORY  Eng. Nguyen Ngoc Nam </td> <td> THÍ NGHIỆM TESTED BY  Eng. Mai Trong Nguyen </td> </tr> </table>						PHÓ GIÁM ĐỐC VICE DIRECTOR  Ms. Nguyen Huu Tai	TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CHIEF OF LABORATORY  Eng. Nguyen Ngoc Nam	THÍ NGHIỆM TESTED BY  Eng. Mai Trong Nguyen
PHÓ GIÁM ĐỐC VICE DIRECTOR  Ms. Nguyen Huu Tai	TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CHIEF OF LABORATORY  Eng. Nguyen Ngoc Nam	THÍ NGHIỆM TESTED BY  Eng. Mai Trong Nguyen						
* Ghi chú / Notice: (a) Mẫu thử được gia công với chiều dày sau khi khô từ 0,45 - 0,55 mm - Mẫu do khách hàng mang đến Phần viện VLXD miền Nam/ Sample were sent to SVIBM - Tên mẫu và tên cơ quan gửi mẫu được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng/ Name of Sample and Client are reported as client's request - Không được sao chép từng phần, được sao chép toàn bộ phiếu kết quả này/ This test report not be reproduced, except in full								

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)



BỘ XÂY DỰNG - MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS
PHÂN VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG MIỀN NAM
SOUTH VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS
Địa chỉ: Lô I-3b-5, Đường N5, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Address: Lot I-3b-5, N6 Road, Saigon Hi-Tech Park, Tan Phu Ward, Thu Duc Municipal city, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): 028 3730 5015, Fax: 028 3730 5016

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
Số/ No.: 1690 - 2024/SVIBM/PTH

Đơn vị yêu cầu/ Client	CÔNG TY TNHH SƠN THẾ HỆ MỚI				
Địa chỉ/ Address	818/50 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh				
Tên mẫu/ Name of Sample	Sơn chống thấm 2 thành phần CTX3650				
Ngày nhận mẫu/ Received date	30/08/2024				
Ngày thí nghiệm/ Test period	Từ/ from: 04/09/2024 đến/ to: 21/10/2024				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristics	Đơn vị Units	Kết quả Results	Yêu cầu kỹ thuật Requirements (TCVN 12692:2020)	Phương pháp thử Test methods
1	Cường độ bám dính Initial tensile adhesion strength	MPa	0,71	≥ 0,5	TCVN 12692:2020
2	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước Tensile adhesion strength after water contact	MPa	0,62	≥ 0,5	
3	Cường độ bám dính sau khi lão hóa nhiệt Tensile adhesion strength after heat ageing	MPa	0,54	≥ 0,5	
4	Cường độ bám dính sau chu kỳ đóng và tan băng Tensile adhesion strength after freeze-thaw cycles	MPa	0,51	≥ 0,5	
5	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước vôi Tensile adhesion strength after contact with lime water	MPa	0,59	≥ 0,5	
6	Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường Crack-bridging ability (under standard conditions)	mm	1,08	≥ 0,75	
7	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 150 kPa trong 7 ngày Waterproofing (150 kPa, 7 days)	-	Không thấm No penetration 12,4 g	Không thấm và khối lượng tăng ≤ 20 g No penetration and ≤ 20 g weight gain	ASTM D 412
8	Độ bền kéo Tensile strength	MPa	2,02	-	
9	Độ giãn dài khi đứt Elongation at break	%	19,3	-	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR
PHÂN VIỆN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
MIỀN NAM
MSc. Nguyen Huu Tai

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
CHIEF OF LABORATORY
Eng. Nguyen Ngoc Nam

THÍ NGHIỆM
TESTED BY
Eng. Mai Trong Nguyen

XD
LAS 165

* Ghi chú / Notice:

- Mẫu do khách hàng mang đến Phân viện VLXD miền Nam/ Sample were sent to SVIBM
- Tên mẫu và tên cơ quan gửi mẫu được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng/ Name of Sample and Client are reported as client's request
- Không được sao chép từng phần, được sao chép toàn bộ phiếu kết quả này/ This test report not be reproduced , except in full

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

 BỘ XÂY DỰNG - MINISTRY OF CONSTRUCTION VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS PHÂN VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG MIỀN NAM SOUTH VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS Địa chỉ: Lô I-3b-5, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh Address: Lot I-3b-5, N6 Road, Saigon Hi-Tech Park, Tan Phu Ward, Thu Duc Municipal city, Ho Chi Minh City Điện thoại (Tel): 028 3730 5015, Fax: 028 3730 5016					
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số/ No. : 246 - 2023/SVIBM/PTH					
Đơn vị yêu cầu/ Client		VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN - PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM			
Nhà máy sản xuất/ Production factory		CÔNG TY TNHH SƠN THẾ HỆ MỚI			
Loại mẫu/ Kind of sample		SƠN TƯỜNG DẠNG NHƯ TƯƠNG (SƠN PHỦ NGOẠI THẤT)			
Tên mẫu/ Name of sample		Sơn chống thấm màu			
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving		20/04/2023			
Ngày thử nghiệm/ Test period		Từ/ From 21/04/2023 đến/ to 08/05/2023			
Phương pháp thử/ Test method		TCVN 8653:2012, TCVN 2097:2015			
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristics	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Yêu cầu kỹ thuật Requirement (QCVN 16:2019/BXD)	Đánh giá Assessment
1	Độ bám dính (Phép thử cắt ô)/ Adhesion (Cross-cut test)	Loại Class	0 ⁽¹⁾	Không vượt mức loại I Not exceeding class I	Đạt / Passed
2	Độ bền rửa trôi / Scrub resistance of paint film (Sau 1200 chu kỳ/ After 1200 cycles)	-	Màng sơn đạt yêu cầu Passed	(2)	Đạt / Passed
3	Độ bền chu kỳ nóng lạnh (Sau 50 chu kỳ) Heat shock resistance of paint film (After 50 cycles)	-	Màng sơn đạt yêu cầu Passed	(3)	Đạt / Passed
(1) Loại/ Class 0: Các cạnh vết cắt hoàn toàn nhẵn, không có ô vuông nào bị tách rai/ The edges of the cuts are completely smooth; none of the squares of the lattice is detached. (2) Sau 1200 chu kỳ mài mòn sơn không bị rửa trôi đến lộ bề mặt nền/ The coating is not peeled to expose the substrate after 1200 cycles of scrubbing. (3) Sau 50 chu kỳ sốc nhiệt, không có sự bong tróc, phồng rộp, rạn nứt chân chim trên màng sơn, có mức thay đổi không đáng kể về màu sắc và độ bóng so với mẫu đối chứng/ There are no blistering, no peeling, no cracking and insignificant changes in color and gloss compared to the reference after 50 cycles of heat shock.					
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 5 năm 2023					
PHÓ GIÁM ĐỐC VICE DIRECTOR  MSc. Nguyen Huu Tai		KIỂM TRA CHECKED BY  Eng. Nguyen Ngoc Nam		THÍ NGHIỆM TESTED BY  Eng. Mai Trong Nguyen	
* Ghi chú / Notice: - Mẫu do khách hàng mang đến Phân viện VLXD miền Nam/ Sample were sent to SVIBM - Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. - Không được sao chép từng phần, được sao chép toàn bộ phiếu kết quả này/ This test report not be reproduced, except in full					

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)



BỘ XÂY DỰNG - MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS
PHÂN VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG MIỀN NAM
SOUTH VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS
Địa chỉ: Lô I-3b-5, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
Address: Lot I-3b-5, N6 Road, Saigon Hi-Tech Park, Tan Phu Ward, Thu Duc Municipal city, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): 028 3730 5015, Fax: 028 3730 5016

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
Số/ No.: 1692 - 2024/SVIBM/PTH

Đơn vị yêu cầu/ Client	CÔNG TY TNHH SƠN THỂ HỆ MỚI				
Địa chỉ/ Address	818/50 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh				
Tên mẫu/ Name of Sample	Sơn chống thấm 2 thành phần CTX3690				
Ngày nhận mẫu/ Received date	30/08/2024				
Ngày thí nghiệm/ Test period	Từ/ from: 04/09/2024 đến/ to: 05/10/2024				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristics	Đơn vị Units	Kết quả Results	Yêu cầu kỹ thuật Requirements	Phương pháp thử Test methods
1	Độ bền kéo Tensile strength	MPa	1,86	-	ASTM D 412
2	Độ giãn dài khi đứt Elongation at break	%	21,9	-	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 10 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

MSc. Nguyen Huu Tai

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
CHIEF OF LABORATORY

Eng. Nguyen Ngoc Nam

THÍ NGHIỆM
TESTED BY

Eng. Mai Trong Nguyen

XD
LAS 165

* Ghi chú / Notice:

- Mẫu do khách hàng mang đến Phân viện VLXD miền Nam/ Sample were sent to SVIBM
- Tên mẫu và tên cơ quan gửi mẫu được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng/ Name of Sample and Client are reported as client's request
- Không được sao chép từng phần, được sao chép toàn bộ phiếu kết quả này/ This test report not be reproduced , except in full

CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN (CERTIFICATES)

NAVI
Certification

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Số/No: 01/2025/CNHC

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:

**VẬT LIỆU CHỐNG THẤM NƯỚC THI CÔNG DẠNG LỎNG
GÓC XI MĂNG BIẾN TÍNH BẰNG POLYME**

POLYMER MODIFIED CEMENTITIOUS LIQUID-APPLIED WATER IMPERMEABLE PRODUCT

Tên thương mại/ Trade name: CHẤT CHỐNG THẤM SÀN 2 THÀNH PHẦN WATER PROOFING

Được sản xuất bởi/ Produced by:

**CÔNG TY TNHH SƠN THỂ HỆ MỚI
THE HE MOI COMPANY LIMITED**

Trụ sở: 818/50 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Head Office: 818/50 Xo Viet Nghe Tinh Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCM City

Nhà máy: Cụm công nghiệp Băy Mầu, Phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Factory: Bay Mau Industrial Zone, Thai Hoa Ward, Tan Uyen City, Binh Duong Province

**Phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 12692:2020 - Vật liệu chống thấm nước thi công dạng lỏng
sử dụng bên dưới lớp kết dính dán gạch gồm ốp lát - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử**
*Conform to TCVN 12692:2020 - Liquid applied water impermeable products for
use beneath ceramic tiling bonded with adhesives - Requirements, test methods*

Phương thức đánh giá/ Certification scheme

Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012
Scheme 5 accordance to Circular No. 28/2012/ TT-BKHHCN dated December 12, 2012

Giấy chứng nhận và dấu hợp chuẩn có giá trị sử dụng kể từ 20/1/2025 đến hết 19/1/2028
Certificate and certification mark remained valid from Jan. 20, 2025 to Jan. 19, 2028.

HCM, Ngày 20 tháng 1 năm 2025

Công ty được phép sử dụng dấu hợp chuẩn
The company is approved to use certification mark



TCVN 12692:2020

GIÁM ĐỐC



Trần Hữu Nhật

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SƠN THẾ HỆ MỚI NEW GENERATION PAINT CO., LTD

 **Head Office:** 818/50 Xo Viet Nghe Tinh Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City.

 **Factory:** 55/8 Road 781, Thanh Dong Hamlet, Ninh Dien Commune, Tay Ninh Province.

 **Hotline:** 088.8099.633 - **Zalo:** 089.6628.181

 **Email:** pkdthehemoi@gmail.com

 **Website:** www.sonthehemoi.vn



Zalo 089.6628.181



f Sơn Thế Hệ Mới

